TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH72100445	Cao Thị Thùy	An	D21_QT01																			6.25	6.17		6.21	28/34	11/13				DAT	DH21
2	DH72106126	Nguyễn Thị Lan	Anh	D21_QT01																			8.25	7.22		7.71	34/34	13/13				DAT	DH21
3	DH72100109	Nguyễn Thị Trung	ánh	D21_QT01																			7.13	7.22		7.18	34/34	13/13				DAT	DH21
4	DH72108669	Lâm Vũ	Bảo	D21_QT01																			7.38	6.89		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21
5	DH72100553	Nguyễn Tuấn	Bảo	D21_QT01																			7.75	6.89		7.29	34/34	13/13				DAT	DH21
6	DH72103964	Trần Huy	Bảo	D21_QT01																			8.50	7.61		8.03	32/34	12/13				DAT	DH21
7	DH72100513	Phạm Thanh	Bình	D21_QT01																			7.25	6.94		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
8	DH72100872	Trương Thanh	Bình	D21_QT01																			6.94	5.72		6.29	34/34	13/13				DAT	DH21
9	DH72106623	Lê Thị Kim	Chi	D21_QT01																			7.06	6.39		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
10	DH72100013	Huỳnh Bửu	Doanh	D21_QT01																			8.06	7.89		7.97	34/34	13/13				DAT	DH21
11	DH72100683	Ngô Thị Thùy	Dung	D21_QT01																			7.44	6.94		7.18	34/34	13/13				DAT	DH21
12	DH72000675	Trần Cẩm	Duy	D21_QT01																5.50	3.50			5.00		5.24	25/34	10/13				DAT	DH20
13	DH72106561	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	D21_QT01																			6.56	6.44		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
14	DH72103400	Nguyễn Thị Hồng	Đào	D21_QT01																			6.94	6.06		6.47	34/34	13/13				DAT	DH21
15	DH72100026	Đào Trọng	Đạt	D21_QT01																			6.13	5.89		6.00	31/34	12/13				DAT	DH21
16	DH72103647	Dương Minh	Hải	D21_QT01																			5.81	5.61		5.71	31/34	12/13				DAT	DH21
17	DH72100512	Lê Nhật	Hào	D21_QT01																			6.94	4.67		5.74	28/34	10/13				DAT	DH21
18	DH72100401	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D21_QT01																			6.50	4.56		5.47	30/34	11/13				DAT	DH21
19	DH72101049	Phạm Trần Duy	Hân	D21_QT01																			6.69	5.28		5.94	31/34	12/13				DAT	DH21
20	DH72100459	Nguyễn Ngô Trung	Hiếu	D21_QT01																			5.69	5.11		5.38	24/34	9/13		NoHP	KoDKMH	DC	DH21
21	DH71905623	Nguyễn Hoàng	Huy	D21_QT01													0.00							4.06		2.15	11/34	4/13				DAT	DH19
22	DH72001799	Nguyễn Thanh	Huy	D21_QT01																0.93	0.00	0.00	6.19	1.33		2.24	17/34	7/13	CCHV_1			CCHV	DH20
23	DH72105212	Nguyễn Thị Phương	Huyền	D21_QT01																			8.00	8.00		8.00	34/34	13/13				DAT	DH21
24	DH72106119	Nguyễn Quốc	Hưng	D21_QT01																			6.31	5.89		6.09	34/34	13/13				DAT	DH21
25	DH72108095	Phan Gia	Khánh	D21_QT01																			6.88	6.39		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
26	DH72101206	Đặng Tấn	Kiệt	D21_QT01																			5.44	5.00		5.21	31/34	12/13				DAT	DH21
27	DH72100728	Nguyễn Ngọc	Lâm	D21_QT01																			7.38	6.44		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
28	DH72106166	Nguyễn Lê Mỹ	Linh	D21_QT01																			6.25	5.50		5.85	34/34	13/13				DAT	DH21
29	DH72108062	Phạm Hoàng Trúc	Linh	D21_QT01																			6.50	6.50		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
30	DH72101708	Trần Gia Khánh	Linh	D21_QT01																			6.56	6.06		6.29	34/34	13/13				DAT	DH21
31	DH72100226	Trần Văn	Minh	D21_QT01																			5.81	4.94		5.35	31/34	12/13				DAT	DH21
32	DH72106641	Lâm Nguyễn Trà	My	D21_QT01																			6.88	6.56		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
33	DH72104608	Phan Trọng	Nam	D21_QT01																			6.69	6.28		6.47	34/34	13/13				DAT	DH21
34	DH72106175	Bùi Phạm Tú	Ngân	D21_QT01																			6.88	6.50		6.68	34/34	13/13				DAT	DH21
35	DH72100550	Lê Tuyết	Ngân	D21_QT01																			6.63	5.28		5.91	31/34	12/13				DAT	DH21
36	DH72101441	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	D21_QT01																			5.94	5.67		5.79	31/34	12/13				DAT	DH21
37	DH72101311	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D21_QT01																			6.56	6.39		6.47	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
38	DH72107785	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	D21_QT01																			6.69	5.94		6.29	31/34	12/13				DAT	DH21
39	DH72104605	Trần Thị Ngọc	Nguyên	D21_QT01																			6.00	5.72		5.85	34/34	13/13				DAT	DH21
40	DH72100025	Lâm Thiện	Nhân	D21_QT01																			6.13	3.94		4.97	22/34	8/13				DAT	DH21
41	DH72101568	Trần Đức	Nhiên	D21_QT01																			6.63	6.56		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
42	DH72100392	Lê Thị Hồng	Nhung	D21_QT01																			0.19	0.00		0.09	0/34	0/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
43	DH72100712	Nguyễn Hồ Tâm	Như	D21_QT01																			6.00	5.56		5.76	29/34	11/13				DAT	DH21
44	DH72101435	Trần Thị Kim	Oanh	D21_QT01																			5.63	5.56		5.59	31/34	12/13				DAT	DH21
45	DH72105784	Mai Hưng	Phát	D21_QT01																			5.19	5.56		5.38	26/34	10/13				DAT	DH21
46	DH72108271	Nguyễn Thành	Phát	D21_QT01																			6.63	5.28		5.91	31/34	12/13				DAT	DH21
47	DH72103364	Nguyễn Thị Thu	Phương	D21_QT01																			7.19	6.94		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
48	DH72100824	Võ Mai	Phương	D21_QT01																			6.44	5.22		5.79	29/34	11/13				DAT	DH21
49	DH72101997	Phan Lê Loan	Phượng	D21_QT01																			6.50	5.61		6.03	31/34	12/13				DAT	DH21
50	DH72100470	Lê Minh	Quân	D21_QT01																			6.56	5.11		5.79	29/34	11/13				DAT	DH21
51	DH72101551	Nguyễn Minh	Quý	D21_QT01																			7.25	6.28		6.74	34/34	13/13				DAT	DH21
52	DH72104575	Phạm Thị	Quý	D21_QT01																			7.00	7.11		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
53	DH72100336	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	D21_QT01																			7.44	5.78		6.56	31/34	12/13				DAT	DH21
54	DH72101151	Lương Thùy Thanh	Thảo	D21_QT01																			7.00	6.22		6.59	31/34	12/13				DAT	DH21
55	DH72100548	Võ Cao Minh	Thư	D21_QT01																			7.38	5.50		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21
56	DH72100135	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	D21_QT01																			8.06	8.06		8.06	34/34	13/13				DAT	DH21
57	DH72100491	Phùng Cảnh	Tín	D21_QT01																			6.69	6.61		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
58	DH72105569	Phạm Hồng Đoan	Trang	D21_QT01																			5.81	5.56		5.68	28/34	11/13				DAT	DH21
59	DH72101166	Phạm Ngọc Thùy	Trang	D21_QT01																			6.94	6.28		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
60	DH72100076	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	D21_QT01																			6.19	0.22		3.03	16/34	6/13	CCHV_1			CCHV	DH21
61	DH72108680	Nguyễn Hữu	Trí	D21_QT01																			7.69	6.72		7.18	34/34	13/13				DAT	DH21
62	DH72100193	Nguyễn Trịnh Thanh	Trúc	D21_QT01																			8.50	8.00		8.24	34/34	13/13				DAT	DH21
63	DH72100551	Phạm Thanh	Trường	D21_QT01																			6.69	4.67		5.62	26/34	10/13				DAT	DH21
64	DH72004201	Phạm Tấn	Tú	D21_QT01																5.13	0.33			4.83		4.97	26/34	10/13				DAT	DH20
65	DH72100573	Huỳnh Ngọc Minh	Tuấn	D21_QT01																			8.31	7.56		7.91	34/34	13/13				DAT	DH21
66	DH72101148	Nguyễn Huỳnh	Tuấn	D21_QT01																			5.25	4.33		4.76	21/34	8/13				DAT	DH21
67	DH72100225	Phan Nguyễn Thảo	Vi	D21_QT01																			5.63	4.94		5.26	28/34	11/13				DAT	DH21
68	DH72101751	Đặng Lê Thanh	Vy	D21_QT01																			6.63	6.33		6.47	34/34	13/13				DAT	DH21
69	DH72104541	Đào Nguyên Như	ý	D21_QT01																			7.06	6.72		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
70	DH72105284	Nguyễn Thị Mai	Anh	D21_QT02																			6.69	6.00		6.32	34/34	13/13				DAT	DH21
71	DH72100265	Trần Nguyên	Bảo	D21_QT02																			4.44	0.00		2.09	8/34	3/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
72	DH72100948	Trịnh Thế	Bảo	D21_QT02																			7.19	5.78		6.44	32/34	12/13				DAT	DH21
73	DH72106595	Nguyễn Công	Bắc	D21_QT02																			5.00	5.11		5.06	26/34	10/13				DAT	DH21
74	DH72108625	Trần Thị	Châu	D21_QT02																			6.25	5.50		5.85	31/34	12/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
75	DH72105313	Đặng Minh	Chí	D21_QT02																			6.50	6.17		6.32	34/34	13/13				DAT	DH21
76	DH72100229	Đoàn Phương	Dung	D21_QT02																			8.00	6.89		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
77	DH72100987	Nguyễn Công	Duy	D21_QT02																			6.50	5.83		6.15	34/34	13/13				DAT	DH21
78	DH72106115	Nguyễn Thanh	Duy	D21_QT02																			7.19	6.39		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
79	DH72106493	Huỳnh Khánh	Duyên	D21_QT02																			7.13	5.22		6.12	31/34	12/13				DAT	DH21
80	DH72101394	Nguyễn Hữu	Đăng	D21_QT02																			7.50	6.17		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
81	DH72108539	Huỳnh Thị Nhật	Định	D21_QT02																			6.63	5.56		6.06	32/34	12/13				DAT	DH21
82	DH72104544	Lê Quỳnh	Giang	D21_QT02																			7.13	6.11		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
83	DH72105358	Ngô Minh	Hiền	D21_QT02																			6.81	6.22		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
84	DH72106501	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	D21_QT02																			6.56	6.11		6.32	34/34	13/13				DAT	DH21
85	DH72104786	Nguyễn Lê Chí	Hiếu	D21_QT02																			7.31	7.06		7.18	34/34	13/13				DAT	DH21
86	DH72106020	Đặng Thị	Hoa	D21_QT02																			6.00	5.78		5.88	34/34	13/13				DAT	DH21
87	DH72100169	Võ Thị Cẩm	Hồng	D21_QT02																			7.25	6.33		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
88	DH72106529	Nguyễn Phi	Hùng	D21_QT02																			8.44	7.56		7.97	34/34	13/13				DAT	DH21
89	DH72100526	Trần Chí	Hùng	D21_QT02																			8.31	7.67		7.97	34/34	13/13				DAT	DH21
90	DH72106053	Trần Vũ Quang	Huy	D21_QT02																			6.88	6.00		6.41	34/34	13/13				DAT	DH21
91	DH72103324	Trần Tiễn Minh	Khang	D21_QT02																			7.56	7.39		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21
92	DH72101196	Võ Nhật Minh	Khoa	D21_QT02																			4.44	5.83	4.00	5.35	26/34	10/13				DAT	DH21
93	DH72105152	Lê Tuấn	Kiệt	D21_QT02																			7.00	5.56		6.24	31/34	12/13				DAT	DH21
94	DH72108761	Huỳnh Chí	Lâm	D21_QT02																			5.75	6.22		6.00	31/34	12/13				DAT	DH21
95	DH72106027	Ngô Lý Khánh	Linh	D21_QT02																			7.13	7.33		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
96	DH72103443	Võ Thị	Linh	D21_QT02																			6.13	6.83		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
97	DH72104542	Nguyễn Thị ánh	Loan	D21_QT02																			8.63	7.78		8.18	34/34	13/13				DAT	DH21
98	DH72106565	Lê Hoàng Kim	Lý	D21_QT02																			7.94	0.00		3.74	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
99	DH72100404	Lê Thanh	My	D21_QT02																			6.69	6.50		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
100	DH72102639	Lê Thị Bích	Ngọc	D21_QT02																			7.94	6.56		7.21	34/34	13/13				DAT	DH21
101	DH72107506	Đặng Danh Anh	Nguyên	D21_QT02																			6.63	6.17		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21
102	DH72100494	Trần Ngô Huệ	Nhân	D21_QT02																			7.38	7.33		7.35	34/34	13/13				DAT	DH21
103	DH72106180	Lê Thị Yến	Nhi	D21_QT02																			7.06	5.61		6.29	31/34	12/13				DAT	DH21
104	DH72106244	Phạm Thị Tuyết	Nhi	D21_QT02																			5.06	5.67		5.38	31/34	12/13				DAT	DH21
105	DH72106181	Võ Thị Tuyết	Nhi	D21_QT02																			6.44	5.89		6.15	34/34	13/13				DAT	DH21
106	DH72108537	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D21_QT02																			7.19	6.83		7.00	34/34	13/13				DAT	DH21
107	DH72108666	Trương Thị Hồng	Nhung	D21_QT02																			6.25	6.28		6.26	34/34	13/13				DAT	DH21
108	DH72100638	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D21_QT02																			3.31	0.00		1.56	3/34	1/13	CCHV_1			CCHV	DH21
109	DH72108584	Phùng Phạm Phương	Phúc	D21_QT02																			3.38	0.00		1.59	3/34	1/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
110	DH72101483	Phan Hồng	Phương	D21_QT02																			8.50	7.94		8.21	34/34	13/13				DAT	DH21
111	DH72100490	Nguyễn Lê Tấn	Quang	D21_QT02																			6.38	5.61		5.97	31/34	12/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
112	DH72106532	Lê Minh	Quân	D21_QT02																			6.31	5.44		5.85	31/34	12/13				DAT	DH21
113	DH72105421	Phạm Như	Quỳnh	D21_QT02																			8.94	7.39		8.12	34/34	13/13				DAT	DH21
114	DH72104353	Nguyễn Thị Thu	Sang	D21_QT02																			5.69	0.00		2.68	14/34	5/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
115	DH72105951	Lê Hữu	Tâm	D21_QT02																			8.19	8.22		8.21	34/34	13/13				DAT	DH21
116	DH72100024	Phạm Nguyễn Vĩ	Thái	D21_QT02																			7.56	7.50		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
117	DH72100912	Dương Thị Yến	Thanh	D21_QT02																			6.88	5.89		6.35	31/34	12/13				DAT	DH21
118	DH72101060	Huỳnh Ngọc Lai	Thanh	D21_QT02																			7.00	6.72		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21
119	DH72108600	Bùi Quang	Thiện	D21_QT02																			7.19	6.44		6.79	31/34	12/13				DAT	DH21
120	DH72100988	Nguyễn Thị Lệ	Thu	D21_QT02																			6.81	7.17		7.00	34/34	13/13				DAT	DH21
121	DH72103368	Trần Thị Kim	Thu	D21_QT02																			7.38	6.94		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
122	DH72106137	Nguyễn Anh	Thư	D21_QT02																			5.94	5.39		5.65	31/34	12/13				DAT	DH21
123	DH72106741	Trần Võ Minh	Thư	D21_QT02																			6.81	6.89		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21
124	DH72104618	Trần Lê Huỳnh	Tính	D21_QT02																			6.31	7.39		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
125	DH72105876	Phạm Đỗ Quốc	Trọng	D21_QT02																			4.25	3.72		3.97	16/34	6/13	CCHV_1			CCHV	DH21
126	DH72103713	Trần Hoàng Thanh	Trúc	D21_QT02																			7.06	6.22		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
127	DH72100417	Nguyễn Duy	Trung	D21_QT02																			5.19	4.83		5.00	28/34	11/13				DAT	DH21
128	DH72102380	Mai Cẩm	Tú	D21_QT02																			7.44	7.61		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
129	DH72105261	Trần Thị Cẩm	Tú	D21_QT02																			7.13	6.22		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
130	DH72103586	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Tuyết	D21_QT02																			6.06	6.61		6.35	34/34	13/13				DAT	DH21
131	DH72104049	Cao Ngọc Thảo	Uyên	D21_QT02																			7.00	7.11		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
132	DH72101581	Trần Quang	Vinh	D21_QT02																			6.88	6.61		6.74	34/34	13/13				DAT	DH21
133	DH72103281	Nguyễn Hoàng	Vũ	D21_QT02																			6.06	5.89		5.97	34/34	13/13				DAT	DH21
134	DH72108738	Đỗ Nguyễn Tường	Vy	D21_QT02																			6.13	6.72		6.44	34/34	13/13				DAT	DH21
135	DH72108739	Lê Thị Phương	Vy	D21_QT02																			7.06	6.17		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
136	DH72102943	Nguyễn Hảo	Vy	D21_QT02																			7.31	7.56		7.44	34/34	13/13			KoDKMH	NGHIHOC	DH21
137	DH72106112	Nguyễn Thụy Thanh	Vy	D21_QT02																			6.88	6.83		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21
138	DH72103582	Văn Minh Khánh	Vy	D21_QT02																			6.50	5.89		6.18	34/34	13/13				DAT	DH21
139	DH72107218	Dư Thị Kim	An	D21_QT03																			6.44	5.28		5.82	31/34	12/13				DAT	DH21
140	DH72106627	Nguyễn Hồng	Anh	D21_QT03																			6.25	5.83		6.03	31/34	12/13				DAT	DH21
141	DH72106635	Nguyễn Vũ Vân	Anh	D21_QT03																			6.50	6.17		6.32	31/34	12/13				DAT	DH21
142	DH72106776	Lê Dương Ngọc	Dung	D21_QT03																			6.69	5.78		6.21	31/34	12/13				DAT	DH21
143	DH72100466	Trần Đại	Dương	D21_QT03																			6.94	4.72		5.76	29/34	11/13				DAT	DH21
144	DH72106063	Lưu Trọng	Đức	D21_QT03																			7.38	5.83		6.56	31/34	12/13				DAT	DH21
145	DH72109086	Võ Minh	Đức	D21_QT03																			6.38	5.89		6.12	31/34	12/13				DAT	DH21
146	DH72101698	Lê Trần Việt	Hà	D21_QT03																			0.19	0.00		0.09	0/34	0/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
147	DH72102489	Huỳnh Thị Hiếu	Hân	D21_QT03																			7.44	5.78		6.56	31/34	12/13				DAT	DH21
148	DH72107145	Vũ Thị Tuyết	Hậu	D21_QT03																			4.63	5.11	2.00	4.88	26/34	10/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
149	DH72108370	Đinh Thị Kim	Hiền	D21_QT03																			6.25	4.94		5.56	31/34	12/13				DAT	DH21
150	DH72106989	Nguyễn Trung	Hiếu	D21_QT03																			6.13	5.94		6.03	34/34	13/13				DAT	DH21
151	DH72109035	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	D21_QT03																			7.81	8.00		7.91	34/34	13/13				DAT	DH21
152	DH72101224	Nguyễn Quốc	Huy	D21_QT03																			3.69	0.61		2.06	5/34	2/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
153	DH72101261	Nguyễn Tấn	Huy	D21_QT03																			6.75	5.61		6.15	34/34	13/13				DAT	DH21
154	DH72106682	Phạm Gia	Huy	D21_QT03																			6.25	2.44		4.24	13/34	5/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
155	DH72100009	Lê An	Khang	D21_QT03																			6.63	4.94		5.74	31/34	12/13				DAT	DH21
156	DH72101210	Trần Gia	Khang	D21_QT03																			6.38	5.50		5.91	34/34	13/13				DAT	DH21
157	DH72106576	Trần Bình	Khiêm	D21_QT03																			5.94	5.39		5.65	29/34	11/13				DAT	DH21
158	DH72104606	Huỳnh Anh	Khoa	D21_QT03																			7.00	5.78		6.35	31/34	12/13				DAT	DH21
159	DH72108219	Nguyễn Đăng	Khoa	D21_QT03																			5.81	5.78		5.79	34/34	13/13				DAT	DH21
160	DH72106975	Lê Thị Mộng	Kiều	D21_QT03																			6.38	5.22		5.76	28/34	11/13				DAT	DH21
161	DH72105969	Huỳnh Đông	Lai	D21_QT03																			7.81	7.28		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
162	DH72100479	Võ Thị Hoàng	Lan	D21_QT03																			6.94	5.72		6.29	31/34	12/13				DAT	DH21
163	DH72100546	Phạm Thị Kim	Loan	D21_QT03																			7.19	6.00		6.56	34/34	13/13				DAT	DH21
164	DH72106110	Vũ Hiền	Lương	D21_QT03																			6.25	5.33		5.76	29/34	11/13				DAT	DH21
165	DH72106716	Nguyễn Đoàn Đức	Mạnh	D21_QT03																			7.31	5.89		6.56	34/34	13/13				DAT	DH21
166	DH72107014	Cao Nguyễn Thị Thùy	My	D21_QT03																			6.63	5.00		5.76	28/34	11/13				DAT	DH21
167	DH72103121	Trần Phan Nhật	Nam	D21_QT03																			6.19	5.06		5.59	27/34	10/13				DAT	DH21
168	DH72106737	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	D21_QT03																			6.31	5.56		5.91	34/34	13/13				DAT	DH21
169	DH72106871	Nguyễn Thanh Mỹ	Ngân	D21_QT03																			6.00	2.22		4.00	13/34	5/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
170	DH72100758	Lê Thị Hồng	Ngọc	D21_QT03																			5.94	5.72		5.82	31/34	12/13				DAT	DH21
171	DH72107357	Lê Thị Kim	Ngọc	D21_QT03																			7.75	6.61		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
172	DH72105117	Trần Hồng	Ngọc	D21_QT03																			8.50	8.94		8.74	34/34	13/13				DAT	DH21
173	DH72107042	Trần Hiếu	Nhân	D21_QT03																			6.81	5.50		6.12	28/34	11/13				DAT	DH21
174	DH72106518	Lê Trương Thảo	Nhi	D21_QT03																			6.50	4.89		5.65	28/34	11/13				DAT	DH21
175	DH72105725	Trần Yến	Nhi	D21_QT03																			6.75	6.11		6.41	34/34	13/13				DAT	DH21
176	DH72105571	Ngô Tấn	Phát	D21_QT03																			6.19	6.28		6.24	34/34	13/13				DAT	DH21
177	DH72101504	Phạm Văn	Phú	D21_QT03																			5.75	5.56		5.65	31/34	12/13				DAT	DH21
178	DH72100010	Quách Hữu	Phước	D21_QT03																			6.56	0.17		3.18	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
179	DH72108778	Dương Quí	Tâm	D21_QT03																			2.13	0.00		1.00	0/34	0/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
180	DH72100260	Đặng Ngọc Hiếu	Thảo	D21_QT03																			6.63	5.72		6.15	31/34	12/13				DAT	DH21
181	DH72108779	Lý Thanh	Thảo	D21_QT03																			6.94	6.28		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
182	DH72107492	Lê Thị Huỳnh	Thắm	D21_QT03																			6.13	5.33		5.71	31/34	12/13				DAT	DH21
183	DH72100257	Trương Kim	Thơ	D21_QT03																			6.81	6.00		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21
184	DH72105123	Lê Thị Minh	Thùy	D21_QT03																			7.63	7.72		7.68	34/34	13/13				DAT	DH21
185	DH72108034	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thúy	D21_QT03																			5.50	5.44		5.47	26/34	10/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
186	DH72108780	Nguyễn Hồng	Thư	D21_QT03																			5.81	6.17		6.00	31/34	12/13				DAT	DH21
187	DH72101550	Nguyễn Cẩm	Tiên	D21_QT03																			6.31	6.06		6.18	34/34	13/13				DAT	DH21
188	DH72100549	Võ Ngọc Mai	Tiên	D21_QT03																			7.13	5.78		6.41	31/34	12/13				DAT	DH21
189	DH72106636	Nguyễn Hữu	Toản	D21_QT03																			8.00	7.78		7.88	34/34	13/13				DAT	DH21
190	DH72107404	Trần Bích	Tô	D21_QT03																			5.44	5.44		5.44	26/34	10/13				DAT	DH21
191	DH72101179	Mat Linh	Trang	D21_QT03																			6.19	6.06		6.12	31/34	12/13				DAT	DH21
192	DH72100536	Phan Nguyễn Hương	Trang	D21_QT03																			6.94	6.33		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
193	DH72100258	Trương Thị Bảo	Trang	D21_QT03																			6.56	6.06		6.29	31/34	12/13				DAT	DH21
194	DH72100379	Nguyễn Huỳnh Mai	Trâm	D21_QT03																			6.19	0.00		2.91	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
195	DH72100446	Lâm Đức	Trí	D21_QT03																			7.06	6.44		6.74	34/34	13/13				DAT	DH21
196	DH72106705	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	D21_QT03																			5.50	6.61		6.09	31/34	12/13				DAT	DH21
197	DH72106215	Nguyễn Thanh	Trúc	D21_QT03																			5.81	5.50		5.65	26/34	10/13				DAT	DH21
198	DH72104144	Nguyễn Trần Anh	Tú	D21_QT03																			7.38	6.28		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
199	DH72105230	Trần Thanh	Tùng	D21_QT03																			4.00	0.00		1.88	5/34	2/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
200	DH72101033	Huỳnh Thị ánh	Tuyết	D21_QT03																			6.88	6.33		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
201	DH72108693	Trần Ngọc Bảo	Uyên	D21_QT03																			8.31	7.61		7.94	34/34	13/13				DAT	DH21
202	DH72107929	Trần Quốc	An	D21_QT04																			6.75	5.72		6.21	31/34	12/13				DAT	DH21
203	DH72107931	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	D21_QT04																			6.31	5.06		5.65	28/34	11/13				DAT	DH21
204	DH72108554	Nguyễn Linh	Chi	D21_QT04																			7.19	6.11		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
205	DH72103823	Trần Thị Thanh	Diễm	D21_QT04																			7.88	7.22		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
206	DH72108408	Trần Nguyễn	Dy	D21_QT04																			6.63	6.00		6.29	31/34	12/13				DAT	DH21
207	DH72107687	Phạm Thị Anh	Đào	D21_QT04																			8.94	7.72		8.29	34/34	13/13				DAT	DH21
208	DH72100023	Trần Thành	Đạt	D21_QT04																			8.69	7.56		8.09	34/34	13/13				DAT	DH21
209	DH72106531	Phạm Thị Trúc	Giang	D21_QT04																			7.38	6.33		6.82	31/34	12/13				DAT	DH21
210	DH72107465	Lê Nhật	Hào	D21_QT04																			7.38	5.78		6.53	34/34	13/13				DAT	DH21
211	DH72104735	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D21_QT04																			7.56	7.83		7.71	34/34	13/13				DAT	DH21
212	DH72105248	Trần Thị Thúy	Hằng	D21_QT04																			6.94	6.11		6.50	31/34	12/13				DAT	DH21
213	DH72104586	Trần Yến	Hằng	D21_QT04																			7.31	6.28		6.76	31/34	12/13				DAT	DH21
214	DH72101097	Nguyễn Hà Ngọc	Hiền	D21_QT04																			6.13	5.06		5.56	31/34	12/13				DAT	DH21
215	DH72108606	Trần Thị Thu	Hiền	D21_QT04																			6.69	5.28		5.94	31/34	12/13				DAT	DH21
216	DH72105267	Nguyễn Trung	Hiếu	D21_QT04																			6.25	5.11		5.65	31/34	12/13				DAT	DH21
217	DH72106395	Nguyễn Thanh	Hương	D21_QT04																			7.44	6.78		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
218	DH72107482	Lưu Thị Thúy	Kiều	D21_QT04																			4.81	5.33	6.00	5.35	32/34	12/13				DAT	DH21
219	DH72107738	Nguyễn Hoàng	Lâm	D21_QT04																			8.19	7.17		7.65	34/34	13/13				DAT	DH21
220	DH72107495	Nguyễn Hoàng Phi	Lâm	D21_QT04																			2.75	5.28		4.09	15/34	6/13				DAT	DH21
221	DH72107828	Ngô Thúy	Linh	D21_QT04																			7.50	6.39		6.91	34/34	13/13				DAT	DH21
222	DH72108617	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_QT04																			7.13	5.50		6.26	29/34	11/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
223	DH72102017	Trần Thị Mỹ	Linh	D21_QT04																			6.38	6.33		6.35	34/34	13/13				DAT	DH21
224	DH72103845	Nguyễn Trần Bích	Loan	D21_QT04																			7.25	6.56		6.88	31/34	12/13				DAT	DH21
225	DH72101577	Cao Hữu	Lộc	D21_QT04																			6.81	6.61		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
226	DH72107876	Phạm Tấn	Lộc	D21_QT04																			6.69	6.89		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
227	DH72107444	Nguyễn Thị Kiều	Mến	D21_QT04																			6.44	6.33		6.38	31/34	12/13				DAT	DH21
228	DH72107590	Trương Hải	Mi	D21_QT04																			7.63	6.39		6.97	31/34	12/13				DAT	DH21
229	DH72107438	Chung Nguyễn Cao	Minh	D21_QT04																			7.44	5.61		6.47	31/34	12/13				DAT	DH21
230	DH72107585	Lê Nguyễn Thảo	Ngân	D21_QT04																			7.31	5.89		6.56	31/34	12/13				DAT	DH21
231	DH72100105	Lê Thị Thùy	Ngân	D21_QT04																			8.25	7.89		8.06	34/34	13/13				DAT	DH21
232	DH72107770	Lữ Như	Ngọc	D21_QT04																			6.44	6.22		6.32	31/34	12/13				DAT	DH21
233	DH72107726	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D21_QT04																			6.00	5.17		5.56	29/34	11/13				DAT	DH21
234	DH72107376	Nguyễn Ngọc	Nguyên	D21_QT04																			8.25	6.67		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
235	DH72108273	Nguyễn Ngọc	Nguyên	D21_QT04																			5.94	5.72	6.00	6.00	31/34	12/13				DAT	DH21
236	DH72106570	Trần Tài	Nguyên	D21_QT04																			6.69	6.83		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
237	DH72106578	Mai Thị Tuyết	Nhi	D21_QT04																			6.88	6.06		6.44	34/34	13/13				DAT	DH21
238	DH72107453	Nguyễn Trình Huyền	Nhi	D21_QT04																			6.44	5.33		5.85	31/34	12/13				DAT	DH21
239	DH72107781	Phạm Dương Uyển	Nhi	D21_QT04																			6.81	6.94		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
240	DH72106446	Võ Ngọc Yến	Nhi	D21_QT04																			6.81	6.72		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
241	DH72107432	Lê Huỳnh	Như	D21_QT04																			7.31	6.17		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
242	DH72108817	Nguyễn Đào Gia	Phụng	D21_QT04																			7.94	7.50		7.71	34/34	13/13				DAT	DH21
243	DH72103201	Lê Thị Huỳnh	Quanh	D21_QT04																			7.19	6.94		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
244	DH72100072	Lê Vũ Minh	Quân	D21_QT04																			6.69	6.44		6.56	34/34	13/13				DAT	DH21
245	DH72107464	Trương Đình Nhật	Quân	D21_QT04																			6.56	6.06		6.29	31/34	12/13				DAT	DH21
246	DH72107632	Nguyễn Thùy	Quyên	D21_QT04																			7.19	6.00		6.56	31/34	12/13				DAT	DH21
247	DH72107976	Nguyễn Lương Phú	Sang	D21_QT04																			5.31	4.89		5.09	28/34	11/13				DAT	DH21
248	DH72108300	Lê Văn	Tài	D21_QT04																			6.13	5.72		5.91	31/34	12/13				DAT	DH21
249	DH72107591	Bùi Như	Tâm	D21_QT04																			6.94	6.11		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
250	DH72107004	Nguyễn Duy	Thái	D21_QT04																			6.88	4.50		5.62	25/34	10/13				DAT	DH21
251	DH72108428	Cửu Văn	Thành	D21_QT04																			6.81	5.78		6.26	31/34	12/13				DAT	DH21
252	DH72108089	Huỳnh Ngọc Nguyệt	Thảo	D21_QT04																			7.31	5.44		6.32	31/34	12/13				DAT	DH21
253	DH72107264	Dương Thành	Thắng	D21_QT04																			6.69	5.61		6.12	31/34	12/13				DAT	DH21
254	DH72108185	Lê Huỳnh Trúc	Thi	D21_QT04																			5.50	5.06		5.26	29/34	11/13				DAT	DH21
255	DH72108031	Đặng Thị Mỹ	Thơ	D21_QT04																			2.69	5.94		4.41	15/34	6/13				DAT	DH21
256	DH72101214	Đoàn Thị Vy	Thư	D21_QT04																			5.25	5.33		5.29	28/34	11/13				DAT	DH21
257	DH72106909	Nguyễn Thị Anh	Thư	D21_QT04																			6.94	5.94		6.41	34/34	13/13				DAT	DH21
258	DH72108296	Nguyễn Thị Anh	Thy	D21_QT04																			7.00	6.00		6.47	31/34	12/13				DAT	DH21
259	DH72107560	Phạm Anh	Tiệp	D21_QT04																			6.00	5.83		5.91	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
260	DH72107777	Phạm Thị Mai	Trang	D21_QT04																			7.19	6.11		6.62	31/34	12/13				DAT	DH21
261	DH72108232	Triệu Thị	Trang	D21_QT04																			7.63	6.67		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21
262	DH72107476	Ngô Hồng ánh	Trúc	D21_QT04																			7.31	5.50		6.35	28/34	11/13				DAT	DH21
263	DH72107470	Lê Thị Ngọc	Tú	D21_QT04																			6.88	6.39		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
264	DH72100764	Nguyễn Thanh	Tú	D21_QT04																			6.06	4.44		5.21	31/34	12/13				DAT	DH21
265	DH72108934	Võ Văn	Tuấn	D21_QT04																			6.69	4.83		5.71	28/34	11/13				DAT	DH21
266	DH72107452	Cao Mỹ	Tuyền	D21_QT04																			6.19	5.28	7.00	5.97	28/34	11/13				DAT	DH21
267	DH72101230	Quan Quốc	Uy	D21_QT04																			8.69	8.56		8.62	34/34	13/13				DAT	DH21
268	DH72107469	Võ Hồng	Vân	D21_QT04																			7.13	6.33		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
269	DH72106132	Võ Thị	Vân	D21_QT04																			6.31	6.44		6.38	28/34	11/13				DAT	DH21
270	DH72108206	Nguyễn Văn	Vinh	D21_QT04																			7.44	5.78		6.56	31/34	12/13				DAT	DH21
271	DH72101100	Nguyễn Lê Hoàng	Vũ	D21_QT04																			6.69	4.61		5.59	29/34	11/13				DAT	DH21
272	DH72108335	Ngô Thúy	Vy	D21_QT04																			6.44	1.61		3.88	13/34	5/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
273	DH72108090	Nguyễn T Vương Triệu	Vy	D21_QT04																			7.31	5.72		6.47	31/34	12/13				DAT	DH21
274	DH72107643	Lê Nguyễn Hồng	Xuân	D21_QT04																			7.13	6.00		6.53	34/34	13/13				DAT	DH21
275	DH72107741	Nguyễn Thị Kim	Yến	D21_QT04																			4.56	4.83		4.71	24/34	9/13				DAT	DH21
276	DH72108158	Trần Thị Ngọc	Yến	D21_QT04																			6.38	5.33		5.82	31/34	12/13				DAT	DH21
277	DH72109592	Phi Lê Ngọc	An	D21_QT05																			7.38	7.11		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
278	DH72109593	Trần Nguyễn Duy	An	D21_QT05																			7.56	6.67		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
279	DH72109621	Hồ Ngọc	ánh	D21_QT05																			8.31	7.44		7.85	34/34	13/13				DAT	DH21
280	DH72109636	Trương Nguyễn Gia	Bảo	D21_QT05																			7.06	7.33		7.21	34/34	13/13				DAT	DH21
281	DH72109663	Đỗ Tiến	Danh	D21_QT05																			7.44	8.22		7.85	34/34	13/13				DAT	DH21
282	DH72108996	Nguyễn Thị Bé	Diệu	D21_QT05																			6.88	5.61		6.21	31/34	12/13				DAT	DH21
283	DH72101002	Nguyễn Ngọc Thục	Duyên	D21_QT05																			6.88	6.72		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
284	DH72109714	Nguyễn Hồ Minh	Đức	D21_QT05																			6.75	4.28		5.44	26/34	10/13				DAT	DH21
285	DH72109717	Lê Thị Hồng	Gấm	D21_QT05																			8.38	8.72		8.56	34/34	13/13				DAT	DH21
286	DH72109727	Lê Thị Quỳnh	Giao	D21_QT05																			7.38	6.28		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
287	DH72109736	Vũ Lâm Sơn	Hà	D21_QT05																			5.31	0.39		2.71	10/34	4/13	CCHV_1			CCHV	DH21
288	DH72109741	Bành Gia	Hạnh	D21_QT05																			6.31	6.50		6.41	34/34	13/13				DAT	DH21
289	DH72109755	Phan Thị Thu	Hằng	D21_QT05																			7.69	8.11		7.91	34/34	13/13				DAT	DH21
290	DH72107534	Nguyễn Gia	Hân	D21_QT05																			6.69	4.94		5.76	27/34	10/13				DAT	DH21
291	DH72109770	Thái Gia	Hân	D21_QT05																			7.69	6.94		7.29	34/34	13/13				DAT	DH21
292	DH72110909	Nguyễn Trần Minh	Hiếu	D21_QT05																			6.64	5.94		6.43	27/34	10/13				DAT	DH21
293	DH72109810	Hồ Huy	Hoàng	D21_QT05																			7.75	6.83		7.26	34/34	13/13				DAT	DH21
294	DH72109811	Huỳnh Huy	Hoàng	D21_QT05																			5.94	6.22		6.09	34/34	13/13				DAT	DH21
295	DH72101001	Phạm Thị Kim	Hồng	D21_QT05																			7.44	6.11		6.74	31/34	12/13				DAT	DH21
296	DH72109829	Đỗ Lê Quốc	Hùng	D21_QT05																			6.81	6.72		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
297	DH72109842	Nguyễn Quang	Huy	D21_QT05																			6.88	7.33		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21
298	DH72109022	Trần Gia	Huy	D21_QT05																			7.38	2.56		4.82	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
299	DH72109848	Võ Đức	Huy	D21_QT05																			7.13	7.67		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
300	DH72109854	Võ Thị Như	Huỳnh	D21_QT05																			6.06	6.06		6.06	31/34	12/13				DAT	DH21
301	DH72109884	Trần Thị Ngọc	Khánh	D21_QT05																			6.38	4.94		5.62	26/34	10/13				DAT	DH21
302	DH72109899	Phạm Anh	Kiệt	D21_QT05																			7.31	6.50		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
303	DH72109901	Lê Thị Thúy	Kiều	D21_QT05																			7.88	8.17		8.03	34/34	13/13				DAT	DH21
304	DH72109922	Đào Thị Ngọc	Linh	D21_QT05																			6.88	0.33		3.41	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
305	DH72109928	Nguyễn Khánh	Linh	D21_QT05																			7.00	6.67		6.82	34/34	13/13				DAT	DH21
306	DH72113783	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D21_QT05																			8.00	6.61		7.26	34/34	13/13				DAT	DH21
307	DH72109934	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D21_QT05																			7.00	6.44		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
308	DH72109946	Nguyễn Ngọc Hồng	Loan	D21_QT05																			7.31	6.83		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
309	DH72109952	Nguyễn Dương Tấn	Lộc	D21_QT05																			7.31	7.17		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
310	DH72108331	Trần Tấn	Lộc	D21_QT05																			5.31	3.56		4.38	15/34	6/13				DAT	DH21
311	DH72102822	Lưu Kim	Lương	D21_QT05																			6.50	6.11		6.29	34/34	13/13				DAT	DH21
312	DH72109090	Trương Thị Trúc	Ly	D21_QT05																			8.25	8.06		8.15	34/34	13/13				DAT	DH21
313	DH72108938	Hồ Hoàng	Mến	D21_QT05																			8.06	7.11		7.56	34/34	13/13				DAT	DH21
314	DH72109989	Nguyễn Gia	Minh	D21_QT05																			8.00	8.72		8.38	34/34	13/13				DAT	DH21
315	DH72109994	Nguyễn Lê Trà	My	D21_QT05																			7.69	6.61		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21
316	DH72109069	Nguyễn Ngọc Thảo	My	D21_QT05																			8.00	5.89		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
317	DH72107606	Đoàn Thị Minh	Nga	D21_QT05																			6.38	5.28		5.79	32/34	12/13				DAT	DH21
318	DH72110012	Quách Ngọc	Nga	D21_QT05																			7.19	5.44		6.26	28/34	11/13				DAT	DH21
319	DH72105146	Đàng Thị Tuyết	Ngân	D21_QT05																			7.88	5.72		6.74	31/34	12/13				DAT	DH21
320	DH72108950	Lê Thị Kim	Ngọc	D21_QT05																			1.94	0.00		0.91	0/34	0/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
321	DH72112764	Nguyễn Thanh	Nhân	D21_QT05																			6.56	4.72		5.59	29/34	11/13				DAT	DH21
322	DH72104592	Hồ Vũ Hồng	Nhi	D21_QT05																			6.50	7.11		6.82	34/34	13/13				DAT	DH21
323	DH72105151	Trần Phạm Huyền	Nhi	D21_QT05																			7.94	6.11		6.97	34/34	13/13				DAT	DH21
324	DH72110105	Trương Hồng	Nhung	D21_QT05																			8.88	8.61		8.74	34/34	13/13				DAT	DH21
325	DH72108716	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	D21_QT05																			7.56	6.06		6.76	31/34	12/13				DAT	DH21
326	DH72108868	Lê Cao Tín	Phát	D21_QT05																			5.75	5.56		5.65	28/34	11/13				DAT	DH21
327	DH72108948	Lê Hồng	Quân	D21_QT05																			6.50	5.00		5.71	26/34	10/13				DAT	DH21
328	DH72110206	Phạm Ngọc Hương	Quỳnh	D21_QT05																			7.19	6.17		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
329	DH72109018	Trương Thúy	Quỳnh	D21_QT05																			7.88	5.89		6.82	31/34	12/13				DAT	DH21
330	DH72110235	Nguyễn Huỳnh Tiến	Thành	D21_QT05																			7.38	6.72		7.03	34/34	13/13				DAT	DH21
331	DH72110245	Huỳnh Ngọc Thu	Thảo	D21_QT05																			7.13	6.61		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21
332	DH72110279	Trần Đắc	Thịnh	D21_QT05																			6.50	6.67		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
333	DH72100660	Lê Hoàng	Thông	D21_QT05																			7.25	7.56		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
334	DH72100117	Phan Thị Thu	Thủy	D21_QT05																			8.13	7.11		7.59	34/34	13/13				DAT	DH21
335	DH72109073	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	D21_QT05																			6.63	6.28		6.44	34/34	13/13				DAT	DH21
336	DH72110315	Nguyễn Điều Minh	Thư	D21_QT05																			7.06	6.28		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
337	DH72110326	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D21_QT05																			7.38	6.17		6.74	31/34	12/13				DAT	DH21
338	DH72110363	Cù Nguyễn Ngọc	Trâm	D21_QT05																			8.19	7.50		7.82	34/34	13/13				DAT	DH21
339	DH72110399	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	D21_QT05																			6.19	6.11		6.15	31/34	12/13				DAT	DH21
340	DH72110408	Cao Minh	Trung	D21_QT05																			6.19	6.67		6.44	32/34	12/13				DAT	DH21
341	DH72110437	Hà Thanh	Tuyền	D21_QT05																			7.69	7.89		7.79	34/34	13/13				DAT	DH21
342	DH72108377	Lê Thanh	Vân	D21_QT05																			7.44	6.22		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
343	DH72109149	Trần Thị Tường	Vân	D21_QT05																			7.25	7.00		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21
344	DH71901575	Phạm Hiền	Vinh	D21_QT05													4.05	0.80		0.00	0.00		0.00	0.00		1.40	13/34	6/13	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH19
345	DH72104110	Trần Phương	Vinh	D21_QT05																			6.63	6.17		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21
346	DH72106061	Huỳnh Cao Phương	Vy	D21_QT05																			6.13	5.94		6.03	34/34	13/13				DAT	DH21
347	DH72110510	Võ Thị Cẩm	Xuân	D21_QT05																			6.75	6.39		6.56	34/34	13/13			KoDKMH	TDUNG	DH21
348	DH72110517	Huỳnh Thụy Hoàng	Yến	D21_QT05																			8.44	7.00		7.68	34/34	13/13				DAT	DH21
349	DH72113234	Nguyễn Hồ Bảo	Anh	D21_QT06																			6.88	6.44		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
350	DH72105097	Đào Vũ Thành	Ân	D21_QT06																			6.63	6.11		6.35	34/34	13/13				DAT	DH21
351	DH72114551	Võ Công	Bằng	D21_QT06																			7.67	4.29		5.30	48/34	19/13				DAT	DH21
352	DH72109641	Trần Thị Nhã	Ca	D21_QT06																			7.63	7.00		7.29	34/34	13/13				DAT	DH21
353	DH72109661	Nguyễn Phi	Cường	D21_QT06																			7.31	6.17		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
354	DH72113335	Lê Thụy Ngọc	Diễm	D21_QT06																			8.63	8.17		8.38	34/34	13/13				DAT	DH21
355	DH72112707	Nguyễn Hồ Hiếu	Doanh	D21_QT06																			1.75	0.00		0.82	0/34	0/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
356	DH72109072	Phạm Thị Mỹ	Dung	D21_QT06																			8.69	7.56		8.09	34/34	13/13				DAT	DH21
357	DH72109720	Nguyễn Trà	Giang	D21_QT06																			6.81	6.72		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
358	DH72109748	Nguyễn Quang	Hào	D21_QT06																			8.69	7.56		8.09	34/34	13/13				DAT	DH21
359	DH72109768	Phạm Bửu	Hân	D21_QT06																			8.19	7.89		8.03	34/34	13/13				DAT	DH21
360	DH72114515	Nguyễn Thục	Hiền	D21_QT06																			7.81	6.83		7.29	34/34	13/13				DAT	DH21
361	DH72109787	Trần Thị	Hiền	D21_QT06																			8.25	8.39		8.32	34/34	13/13				DAT	DH21
362	DH72109796	Âu Mỹ	Hoa	D21_QT06																			8.69	8.44		8.56	34/34	13/13				DAT	DH21
363	DH72109851	Trịnh Mỹ	Huyền	D21_QT06																			6.50	5.89		6.18	34/34	13/13				DAT	DH21
364	DH72109860	Lê Thị Thu	Hương	D21_QT06																			7.69	6.83		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
365	DH72109894	Huỳnh Nguyễn Gia	Khương	D21_QT06																			8.13	7.00		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
366	DH72109914	Đinh Thanh	Liêm	D21_QT06																			8.00	7.06		7.50	34/34	13/13				DAT	DH21
367	DH72109919	Chung Hoàng	Linh	D21_QT06																			7.75	7.72		7.74	34/34	13/13				DAT	DH21
368	DH72109932	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D21_QT06																			7.94	7.39		7.65	34/34	13/13				DAT	DH21
369	DH72109935	Nguyễn Thụy Khánh	Linh	D21_QT06																			7.06	5.83		6.41	31/34	12/13				DAT	DH21
370	DH72109940	Trần Thị Mỹ	Linh	D21_QT06																			6.94	6.72		6.82	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
371	DH72109944	Hồ Thị Hồng	Loan	D21_QT06																			7.19	6.61		6.88	31/34	12/13				DAT	DH21
372	DH72114652	Kiều Doãn	Lưu	D21_QT06																			8.56	8.06		8.29	34/34	13/13				DAT	DH21
373	DH72109973	Đỗ Thị Thanh	Mai	D21_QT06																			7.19	7.11		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
374	DH72114514	Thái Tiểu	Mai	D21_QT06																			6.75	6.00		6.35	31/34	12/13				DAT	DH21
375	DH72109982	Đinh Công	Mạnh	D21_QT06																			7.63	7.00		7.29	34/34	13/13				DAT	DH21
376	DH72110001	Ngô Gia	Mỹ	D21_QT06																			6.75	5.50		6.09	31/34	12/13				DAT	DH21
377	DH72110037	Huỳnh Ninh Yến	Ngọc	D21_QT06																			7.06	5.67		6.32	31/34	12/13				DAT	DH21
378	DH72110040	Lê Thụy Hồng	Ngọc	D21_QT06																			7.38	6.83		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
379	DH72110045	Trần ái	Ngọc	D21_QT06																			7.06	6.89		6.97	34/34	13/13				DAT	DH21
380	DH72110058	Phạm Thị Thanh	Nhàn	D21_QT06																			7.69	6.67		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
381	DH72110082	Nguyễn Trần Yến	Nhi	D21_QT06																			6.69	5.94		6.29	34/34	13/13				DAT	DH21
382	DH72110123	Đặng Thị Hoàng	Oanh	D21_QT06																			7.38	7.11		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
383	DH72110132	Đinh Thị	Phấn	D21_QT06																			7.19	6.00		6.56	32/34	12/13				DAT	DH21
384	DH72110134	Nguyễn Tiến	Phong	D21_QT06																			7.13	7.67		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
385	DH72110142	Nguyễn Mai Hoàng	Phúc	D21_QT06																			7.56	7.17		7.35	34/34	13/13				DAT	DH21
386	DH72110143	Nguyễn Trọng	Phúc	D21_QT06																			8.38	8.06		8.21	34/34	13/13				DAT	DH21
387	DH72110146	Nguyễn Viết	Phúc	D21_QT06																			7.75	5.17		6.38	30/34	11/13				DAT	DH21
388	DH72113470	Trần Hoàng	Phúc	D21_QT06																			6.25	6.17		6.21	31/34	12/13				DAT	DH21
389	DH72110172	Dương Thị Ngọc	Quí	D21_QT06																			6.06	1.89		3.85	16/34	6/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
390	DH72110175	Hoàng Gia Anh	Quốc	D21_QT06																			6.94	6.33		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
391	DH72110199	Lê Mạnh	Quỳnh	D21_QT06																			7.50	7.44		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21
392	DH72110221	Nguyễn Tấn	Tài	D21_QT06																			7.75	7.22		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21
393	DH72110233	Phạm Trần Vân	Thanh	D21_QT06																			6.81	5.28		6.00	31/34	12/13				DAT	DH21
394	DH72110240	Phạm Văn	Thao	D21_QT06																			6.63	5.56		6.06	29/34	11/13				DAT	DH21
395	DH72110258	Tống Phương	Thảo	D21_QT06																			7.56	6.83		7.18	34/34	13/13				DAT	DH21
396	DH72110266	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D21_QT06																			7.94	7.39		7.65	34/34	13/13				DAT	DH21
397	DH72114612	Trần Đăng Xuân	Thắng	D21_QT06																			6.44	7.00		6.74	34/34	13/13				DAT	DH21
398	DH72114628	Lê Hoàng	Thụ	D21_QT06																			7.13	4.56		5.76	30/34	11/13				DAT	DH21
399	DH72114660	Nguyễn Vũ	Thuận	D21_QT06																			5.69	1.78		3.62	16/34	6/13	CCHV_1			CCHV	DH21
400	DH72113654	Nguyễn Anh	Thư	D21_QT06																			8.25	7.78		8.00	34/34	13/13				DAT	DH21
401	DH72112824	Lê Thị Mỹ	Tiên	D21_QT06																			7.44	7.06		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
402	DH72110350	Đỗ Thị Đài	Trang	D21_QT06																			6.63	6.22		6.41	34/34	13/13				DAT	DH21
403	DH72110364	Lê Thị Ngọc	Trâm	D21_QT06																			7.50	7.89		7.71	34/34	13/13				DAT	DH21
404	DH72110410	Đặng Bảo Ngọc	Trung	D21_QT06																			6.56	6.22		6.38	32/34	12/13				DAT	DH21
405	DH72114549	Trần Đình Minh	Tuyền	D21_QT06																			8.25	7.39		7.79	34/34	13/13				DAT	DH21
406	DH72114563	Nguyễn ánh	Tuyết	D21_QT06																			5.44	5.11		5.26	25/34	10/13				DAT	DH21
407	DH72110458	Mai Thị Phương	Uyên	D21_QT06																			6.69	6.11		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
408	DH72110467	Huỳnh Ngọc Tuyết	Vân	D21_QT06																			8.63	7.89		8.24	34/34	13/13				DAT	DH21
409	DH72110472	Phạm Lê Thảo	Vân	D21_QT06																			7.63	7.06		7.32	34/34	13/13				DAT	DH21
410	DH72110480	Trương Nguyễn Thúy	Vi	D21_QT06																			6.69	6.61		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
411	DH72114494	Nguyễn Ngọc Bảo	Yến	D21_QT06																			6.88	7.72		7.32	34/34	13/13				DAT	DH21
412	DH72109591	Nguyễn Trung	An	D21_QT07																			6.38	6.22		6.29	32/34	12/13				DAT	DH21
413	DH72109644	Nguyễn Thị	Chân	D21_QT07																			6.13	5.72		5.91	32/34	12/13				DAT	DH21
414	DH72109657	Đinh Tiến	Công	D21_QT07																			5.69	5.61		5.65	29/34	11/13				DAT	DH21
415	DH72113327	Lê Phúc	Cường	D21_QT07																			7.19	6.94		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
416	DH72109669	Trịnh Thị Thùy	Dung	D21_QT07																			7.06	6.22		6.62	31/34	12/13				DAT	DH21
417	DH72109693	Nguyễn Thị Trúc	Dương	D21_QT07																			7.19	6.17		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
418	DH72113472	Nguyễn Duy	Đạt	D21_QT07																			8.63	8.44		8.53	34/34	13/13				DAT	DH21
419	DH72109709	Phan Quốc	Điền	D21_QT07																			7.13	5.94		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
420	DH72109726	Võ Trường	Giang	D21_QT07																			6.81	6.28		6.53	34/34	13/13				DAT	DH21
421	DH72109754	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D21_QT07																			7.19	7.61		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
422	DH72109777	Trần Thị Thu	Hậu	D21_QT07																			8.00	7.56		7.76	34/34	13/13				DAT	DH21
423	DH72109813	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	D21_QT07																			7.06	5.94		6.47	34/34	13/13				DAT	DH21
424	DH72109825	Hồ Thị Thanh	Huệ	D21_QT07																			8.19	7.83		8.00	34/34	13/13				DAT	DH21
425	DH72109836	Lê Gia	Huy	D21_QT07																			5.63	6.17		5.91	32/34	12/13				DAT	DH21
426	DH72109857	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Hưng	D21_QT07																			6.50	6.11		6.29	34/34	13/13				DAT	DH21
427	DH72109876	Lê Tuấn	Khanh	D21_QT07																			5.75	4.44		5.06	23/34	9/13				DAT	DH21
428	DH72109886	Võ Hoài Kim	Khánh	D21_QT07																			5.81	5.28		5.53	29/34	11/13				DAT	DH21
429	DH72114052	Phạm Quốc	Kiệt	D21_QT07																			5.31	5.39		5.35	25/34	10/13				DAT	DH21
430	DH72109921	Dương Trúc	Linh	D21_QT07																			5.75	6.06		5.91	29/34	11/13				DAT	DH21
431	DH72113266	Phan Gia	Linh	D21_QT07																			6.75	0.00		3.18	14/34	5/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
432	DH72113534	Phạm Thị Kiều	Loan	D21_QT07																			7.50	7.33		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
433	DH72109949	Trương Kim	Long	D21_QT07																			6.00	5.78		5.88	34/34	13/13				DAT	DH21
434	DH72114493	Trương Thanh	Long	D21_QT07																			5.56	4.94		5.24	20/34	8/13				DAT	DH21
435	DH72109964	Đinh Thị Cẩm	Ly	D21_QT07																			7.56	7.72		7.65	34/34	13/13				DAT	DH21
436	DH72109996	Nguyễn Võ Trà	My	D21_QT07																			6.69	5.56		6.09	32/34	12/13				DAT	DH21
437	DH72110009	Lê Nguyễn	Nga	D21_QT07																			8.75	6.78		7.71	34/34	13/13				DAT	DH21
438	DH72110015	Đặng Huỳnh Thiên	Ngân	D21_QT07																			7.06	5.67		6.32	31/34	12/13				DAT	DH21
439	DH72110017	Lê Thanh	Ngân	D21_QT07																			7.88	7.22		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
440	DH72110029	Phụng Châu Tuyết	Ngân	D21_QT07																			8.06	7.78		7.91	34/34	13/13				DAT	DH21
441	DH72110033	Võ Thị Khoa	Nghi	D21_QT07																			6.44	5.72		6.06	31/34	12/13				DAT	DH21
442	DH72110063	Phạm Nguyễn Thành	Nhân	D21_QT07																			7.19	6.50		6.82	32/34	12/13				DAT	DH21
443	DH72110072	Lê Hoài	Nhi	D21_QT07																			7.38	7.56		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21
444	DH72110098	Lê Thị Hồng	Nhung	D21_QT07																			8.06	8.06		8.06	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
445	DH72113529	Hoàng Lê Tâm	Như	D21_QT07																			7.31	7.17		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
446	DH72110122	Lê Trần Han	Ny	D21_QT07																			7.94	7.89		7.91	34/34	13/13				DAT	DH21
447	DH72110133	Phạm Hoàng Nhật	Phi	D21_QT07																			6.75	6.67		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
448	DH72110137	Nguyễn Trần Ngọc	Phú	D21_QT07																			5.69	3.22		4.38	19/34	7/13	CCHV_1			CCHV	DH21
449	DH72110139	Mai Trọng	Phúc	D21_QT07																			8.63	7.89		8.24	34/34	13/13				DAT	DH21
450	DH72113151	Phạm Lê Bảo	Phúc	D21_QT07																			7.63	7.17		7.38	34/34	13/13				DAT	DH21
451	DH72113308	Hồ Như	Phụng	D21_QT07																			7.38	6.44		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
452	DH72110156	Trần Thị Thu	Phương	D21_QT07																			7.50	6.61		7.03	34/34	13/13				DAT	DH21
453	DH72110167	Lê Hải	Quân	D21_QT07																			6.19	5.22		5.68	31/34	12/13				DAT	DH21
454	DH72114242	Lê Nguyễn Đình	Quân	D21_QT07																			6.81	5.22		5.97	31/34	12/13				DAT	DH21
455	DH72110185	Phan Thị Ngọc	Quyên	D21_QT07																			6.25	5.11		5.65	31/34	12/13				DAT	DH21
456	DH72110189	Võ Thị Hoàn	Quyên	D21_QT07																			8.06	8.28		8.18	34/34	13/13				DAT	DH21
457	DH72110213	Vũ Cao	Sáng	D21_QT07																			8.13	8.11		8.12	34/34	13/13				DAT	DH21
458	DH72110246	Lê Thị Phương	Thảo	D21_QT07																			7.25	7.11		7.18	34/34	13/13				DAT	DH21
459	DH72110254	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D21_QT07																			8.88	8.22		8.53	34/34	13/13				DAT	DH21
460	DH72110261	Trương Thị Phương	Thảo	D21_QT07																			7.13	7.06		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
461	DH72110277	Vũ Khánh	Thiện	D21_QT07																			7.50	7.50		7.50	34/34	13/13				DAT	DH21
462	DH72110280	Lê Phước	Thọ	D21_QT07																			6.94	5.61		6.24	31/34	12/13				DAT	DH21
463	DH72110284	Nguyễn Anh	Thơ	D21_QT07																			6.44	6.78		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
464	DH72110294	Nguyễn Ngọc	Thuận	D21_QT07																			6.56	6.22		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21
465	DH72112879	Lê Thị Thu	Thủy	D21_QT07																			6.25	6.44		6.35	32/34	12/13				DAT	DH21
466	DH72110317	Nguyễn Thị Kim	Thư	D21_QT07																			6.38	6.44		6.41	31/34	12/13				DAT	DH21
467	DH72113420	Nguyễn Thị Bảo	Trân	D21_QT07																			6.81	6.17		6.47	32/34	12/13				DAT	DH21
468	DH72110383	Trần Minh	Trí	D21_QT07																			6.31	5.78		6.03	31/34	12/13				DAT	DH21
469	DH72110395	Dương Ngọc Thanh	Trúc	D21_QT07																			8.44	7.11		7.74	34/34	13/13				DAT	DH21
470	DH72110407	Trần Thị Thanh	Trúc	D21_QT07																			6.13	5.50		5.79	34/34	13/13				DAT	DH21
471	DH72113041	Phan Ngọc	Tú	D21_QT07																			6.19	5.11		5.62	28/34	11/13				DAT	DH21
472	DH72110429	Chiêng Thư	Tuấn	D21_QT07																			6.06	5.39		5.71	31/34	12/13				DAT	DH21
473	DH72110430	Lê Thái	Tuấn	D21_QT07																			6.69	4.50		5.53	23/34	9/13				DAT	DH21
474	DH72110443	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D21_QT07																			6.94	5.78		6.32	34/34	13/13				DAT	DH21
475	DH72112826	Trần Thảo	Uyên	D21_QT07																			4.69	0.00		2.21	13/34	5/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
476	DH72113733	Vòng Ngọc Phương	Uyên	D21_QT07																			7.19	7.00		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
477	DH72110470	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	D21_QT07																			8.75	8.00		8.35	34/34	13/13				DAT	DH21
478	DH72110491	Lê Kiều	Vy	D21_QT07																			7.75	7.11		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
479	DH72110511	Lê Thị Mỹ	ý	D21_QT07																			8.19	7.72		7.94	34/34	13/13				DAT	DH21
480	DH72110524	Phạm Thị Ngọc	Yến	D21_QT07																			7.31	6.61		6.94	34/34	13/13				DAT	DH21
481	DH72109585	Đặng Trường	An	D21_QT08																			8.00	6.72		7.32	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
482	DH72113728	Trịnh Quốc Hoàn	Cầu	D21_QT08																			7.69	6.94		7.29	31/34	12/13				DAT	DH21
483	DH72109647	Lê Thị Diễm	Châu	D21_QT08																			7.44	7.00		7.21	31/34	12/13				DAT	DH21
484	DH72114156	Trần Đăng	Cơ	D21_QT08																			7.44	6.28		6.82	34/34	13/13				DAT	DH21
485	DH72113762	Đoàn Thị Xuân	Diệu	D21_QT08																			7.44	7.00		7.21	34/34	13/13				DAT	DH21
486	DH72113806	Đường Sở	Dinh	D21_QT08																			8.13	7.11		7.59	34/34	13/13				DAT	DH21
487	DH72113737	Mai Thành	Đạt	D21_QT08																			8.63	8.17		8.38	34/34	13/13				DAT	DH21
488	DH72113122	Nguyễn Thành	Đạt	D21_QT08																			6.31	5.72		6.00	31/34	12/13				DAT	DH21
489	DH72109712	Nguyễn Thị Thục	Đoan	D21_QT08																			7.75	7.33		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
490	DH72112889	Nguyễn Thị Kiều	Giang	D21_QT08																			7.94	7.22		7.56	34/34	13/13				DAT	DH21
491	DH72109728	Đỗ Trọng Nguyên	Giáp	D21_QT08																			7.06	4.94		5.94	31/34	12/13				DAT	DH21
492	DH72109733	Nguyễn Hồng	Hà	D21_QT08																			8.00	6.50		7.21	34/34	13/13				DAT	DH21
493	DH72109735	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	D21_QT08																			7.94	6.39		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21
494	DH72113038	Lương Nguyễn Dương	Hạ	D21_QT08																			7.25	6.61		6.91	34/34	13/13				DAT	DH21
495	DH72109771	Trịnh Thị Ngọc	Hân	D21_QT08																			7.50	5.83		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
496	DH72113732	Đàm Thế	Hiển	D21_QT08																			6.94	6.78		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21
497	DH72113291	Huỳnh Trung	Hiếu	D21_QT08																			7.94	7.28		7.59	34/34	13/13				DAT	DH21
498	DH72109800	Đặng Thu	Hoài	D21_QT08																			8.06	5.50		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
499	DH72109833	Nguyễn Phi	Hùng	D21_QT08																			8.25	7.72		7.97	34/34	13/13				DAT	DH21
500	DH72112729	Võ Thu	Huyền	D21_QT08																			6.75	4.50		5.56	25/34	10/13				DAT	DH21
501	DH72109893	Nguyễn Ngọc Minh	Khuê	D21_QT08																			7.75	7.22		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21
502	DH72113132	Nguyễn Anh	Khuyên	D21_QT08																			7.13	5.94		6.50	31/34	12/13				DAT	DH21
503	DH72109912	Nguyễn Dương Tùng	Lâm	D21_QT08																			7.31	0.78		3.85	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
504	DH72112982	Trần Hoàng	Lê	D21_QT08																			7.69	7.61		7.65	34/34	13/13				DAT	DH21
505	DH72113032	Nghiêm Thị Huyền	Linh	D21_QT08																			7.56	5.17		6.29	28/34	11/13				DAT	DH21
506	DH72109929	Nguyễn Thị Kiều	Linh	D21_QT08																			7.31	6.89		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
507	DH72109931	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D21_QT08																			7.63	7.33		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21
508	DH72109948	Trịnh Thiêm	Long	D21_QT08																			8.31	7.28		7.76	34/34	13/13				DAT	DH21
509	DH72109951	Mai Thiên	Lộc	D21_QT08																			7.31	7.17		7.24	34/34	13/13				DAT	DH21
510	DH72109998	Trần Thị Hải	My	D21_QT08																			7.44	7.22		7.32	34/34	13/13				DAT	DH21
511	DH72113556	Trần Thị Thảo	My	D21_QT08																			7.25	5.61		6.38	31/34	12/13				DAT	DH21
512	DH72110010	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nga	D21_QT08																			6.63	5.78		6.18	31/34	12/13				DAT	DH21
513	DH72110011	Nguyễn Ngọc	Nga	D21_QT08																			8.69	8.00		8.32	34/34	13/13				DAT	DH21
514	DH72110023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D21_QT08																			7.56	7.11		7.32	34/34	13/13				DAT	DH21
515	DH72110026	Nguyễn Thị Phương	Ngân	D21_QT08																			7.13	7.56		7.35	34/34	13/13				DAT	DH21
516	DH72110032	Trương Thị Tuyết	Ngân	D21_QT08																			7.94	6.56		7.21	34/34	13/13				DAT	DH21
517	DH72113265	Liên Bảo	Ngọc	D21_QT08																			7.63	6.56		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
518	DH72110041	Ngô Thị Cẩm	Ngọc	D21_QT08																			7.06	6.33		6.68	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
519	DH72110043	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	D21_QT08																			8.13	0.00		3.82	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
520	DH72113509	Phan Thị Phương	Nhi	D21_QT08																			8.75	7.89		8.29	34/34	13/13				DAT	DH21
521	DH72110155	Phạm Văn	Phương	D21_QT08																			7.44	6.11		6.74	31/34	12/13				DAT	DH21
522	DH72110157	Văn Thị Thu	Phương	D21_QT08																			7.94	7.00		7.44	34/34	13/13				DAT	DH21
523	DH72110158	Vũ Thị Thanh	Phương	D21_QT08																			8.50	6.44		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
524	DH72110176	La Tâm	Quốc	D21_QT08																			7.94	6.06		6.94	34/34	13/13				DAT	DH21
525	DH72110190	Lương Mạnh	Quyền	D21_QT08																			7.44	6.39		6.88	31/34	12/13				DAT	DH21
526	DH72110201	Nguyễn Đinh Thị Yến	Quỳnh	D21_QT08																			7.94	6.56		7.21	34/34	13/13				DAT	DH21
527	DH72110202	Nguyễn Hương	Quỳnh	D21_QT08																			7.69	1.72		4.53	16/34	6/13	CCHV_1			CCHV	DH21
528	DH72110239	Tạ Phúc	Thành	D21_QT08																			7.25	7.17		7.21	34/34	13/13				DAT	DH21
529	DH72110281	Huỳnh Thị Kim	Thoa	D21_QT08																			7.13	6.28		6.68	34/34	13/13				DAT	DH21
530	DH72110291	Cao Bảo	Thuận	D21_QT08																			8.00	4.89		6.35	25/34	10/13				DAT	DH21
531	DH72110300	Nguyễn Đặng Phương	Thùy	D21_QT08																			7.31	5.67		6.44	34/34	13/13				DAT	DH21
532	DH72110308	Tài Nữ An	Thuyên	D21_QT08																			7.25	6.11		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
533	DH72110321	Trần Huỳnh Ngọc	Thư	D21_QT08																			7.25	6.44		6.82	34/34	13/13				DAT	DH21
534	DH72110324	Văn Thị Anh	Thư	D21_QT08																			7.31	6.06		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
535	DH72113331	Huỳnh Mỹ	Tiên	D21_QT08																			7.25	5.78		6.47	31/34	12/13				DAT	DH21
536	DH72110343	Lê Anh	Toại	D21_QT08																			8.00	6.94		7.44	34/34	13/13				DAT	DH21
537	DH72110348	Nguyễn Viết Khánh	Toàn	D21_QT08																			6.88	5.28		6.03	29/34	11/13				DAT	DH21
538	DH72112927	Nguyễn Ngọc	Trác	D21_QT08																			6.44	5.78		6.09	29/34	11/13				DAT	DH21
539	DH72110352	Nguyễn Quỳnh	Trang	D21_QT08																			8.00	6.83		7.38	34/34	13/13				DAT	DH21
540	DH72110355	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_QT08																			8.69	8.11		8.38	34/34	13/13				DAT	DH21
541	DH72110370	Phạm Mỹ Phương	Trâm	D21_QT08																			7.81	6.22		6.97	34/34	13/13				DAT	DH21
542	DH72110371	Phùng Hồ Bảo	Trâm	D21_QT08																			7.19	5.39		6.24	31/34	12/13				DAT	DH21
543	DH72110375	Lý Ngọc Bảo	Trân	D21_QT08																			7.31	5.33		6.26	31/34	12/13				DAT	DH21
544	DH72110379	Nguyễn Trần Bảo	Trân	D21_QT08																			7.63	5.94		6.74	34/34	13/13				DAT	DH21
545	DH72113677	Hoàng Minh	Trí	D21_QT08																			6.94	4.94		5.88	28/34	11/13				DAT	DH21
546	DH72110389	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trinh	D21_QT08																			7.38	6.28		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
547	DH72113359	Lê Diệp Thanh	Trúc	D21_QT08																			7.75	7.06		7.38	34/34	13/13				DAT	DH21
548	DH72110411	Lại Quốc	Trung	D21_QT08																			7.25	6.11		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
549	DH72110412	Nguyễn Đoàn Trí	Trung	D21_QT08																			7.06	2.83		4.82	16/34	6/13	CCHV_1			CCHV	DH21
550	DH72110420	Nguyễn Trần Tiến	Trường	D21_QT08																			7.50	6.06		6.74	34/34	13/13				DAT	DH21
551	DH72114031	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	D21_QT08																			7.19	5.06		6.06	28/34	11/13				DAT	DH21
552	DH72110468	Lâm Mỹ	Vân	D21_QT08																			5.44	0.61		2.88	11/34	4/13	CCHV_1			CCHV	DH21
553	DH72110478	Tiết Khánh	Vi	D21_QT08																			6.44	4.33		5.32	23/34	9/13				DAT	DH21
554	DH72113273	Nguyễn Phát	Vũ	D21_QT08																			7.06	6.17		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
555	DH72110495	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	D21_QT08																			7.69	6.11		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
556	DH72110496	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	D21_QT08																			7.44	6.00		6.68	31/34	12/13				DAT	DH21
557	DH72110499	Nguyễn Trúc	Vy	D21_QT08																			8.13	6.28		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
558	DH72110515	Bùi Thị	Yến	D21_QT08																			8.63	7.89		8.24	34/34	13/13				DAT	DH21
559	DH72108257	Lê Huỳnh	Anh	D21_QT09																			7.00	5.61		6.26	31/34	12/13				DAT	DH21
560	DH72109606	Nguyễn Lan	Anh	D21_QT09																			7.13	6.44		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
561	DH72109617	Phan Huế	Anh	D21_QT09																			8.19	6.72		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
562	DH72109620	Vương Thị Mai	Anh	D21_QT09																			8.31	0.00		3.91	16/34	6/13	CCHV_1			CCHV	DH21
563	DH72109662	Nguyễn Tiến	Cường	D21_QT09																			7.25	6.56		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
564	DH72109676	Nguyễn Hoàng	Duy	D21_QT09																			6.81	7.06		6.94	34/34	13/13				DAT	DH21
565	DH72109704	Nguyễn Đặng Tấn	Đạt	D21_QT09																			6.00	6.22		6.12	34/34	13/13				DAT	DH21
566	DH72109705	Nguyễn Tấn	Đạt	D21_QT09																			5.56	1.17		3.24	9/34	3/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
567	DH72109743	Châu Nhật	Hào	D21_QT09																			8.06	7.22		7.62	34/34	13/13				DAT	DH21
568	DH72109744	Đỗ Quốc	Hào	D21_QT09																			7.19	3.56		5.26	16/34	6/13		NoHP	KoDKMH	DC	DH21
569	DH72107480	Phùng Gia	Hân	D21_QT09																			5.63	5.39		5.50	32/34	12/13				DAT	DH21
570	DH72109774	Nguyễn Thị Phúc	Hậu	D21_QT09																			6.88	6.67		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
571	DH72113085	Đinh Thị Thúy	Hồng	D21_QT09																			7.81	6.33		7.03	34/34	13/13				DAT	DH21
572	DH72114397	Lương Tấn	Hùng	D21_QT09																			6.56	0.11		3.15	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
573	DH72114177	Mai Huỳnh	Huy	D21_QT09																			8.06	7.39		7.71	34/34	13/13				DAT	DH21
574	DH72109841	Nguyễn Minh Nhật	Huy	D21_QT09																			6.13	6.50		6.32	34/34	13/13				DAT	DH21
575	DH72113007	Trần Thị Thu	Hương	D21_QT09																			7.13	6.22		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
576	DH72109872	Nguyễn Bảo	Khang	D21_QT09																			7.00	6.94		6.97	34/34	13/13				DAT	DH21
577	DH72114336	Nguyễn Hoàng Quốc	Khánh	D21_QT09																			6.75	0.00		3.18	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
578	DH72114203	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	D21_QT09																			7.56	7.22		7.38	34/34	13/13				DAT	DH21
579	DH72114167	Hà Hữu Thiên	Kim	D21_QT09																			7.88	7.17		7.50	34/34	13/13				DAT	DH21
580	DH72109903	Lê Võ Hoàng	Kim	D21_QT09																			7.25	6.22		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
581	DH72112860	Huỳnh	Lê	D21_QT09																			6.75	6.67		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
582	DH72109916	Đặng Thu	Liên	D21_QT09																			7.31	6.17		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
583	DH72109936	Nguyễn Vũ Phương	Linh	D21_QT09																			7.75	7.11		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
584	DH72109960	Trương Nguyễn Thành	Luân	D21_QT09																			5.13	4.50		4.79	17/34	7/13				DAT	DH21
585	DH72109978	Nguyễn Thị Như	Mai	D21_QT09																			7.50	6.28		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21
586	DH72114302	Phạm Thị Tuyết	Mai	D21_QT09																			8.00	6.78		7.35	34/34	13/13				DAT	DH21
587	DH72109993	Huỳnh Thị Trà	My	D21_QT09																			5.94	5.28		5.59	28/34	11/13				DAT	DH21
588	DH72114115	Lê Nhật	Nam	D21_QT09																			7.81	6.78		7.26	34/34	13/13				DAT	DH21
589	DH72108735	Mách	Napoly	D21_QT09																			7.06	7.22		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
590	DH72110013	Bùi Thị Kim	Ngân	D21_QT09																			7.06	6.39		6.71	34/34	13/13				DAT	DH21
591	DH72113992	Nguyễn Như	Ngọc	D21_QT09																			0.13	0.00		0.06	0/34	0/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
592	DH72114362	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D21_QT09																			8.31	8.00		8.15	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
593	DH72113425	Lê Thanh	Nguyên	D21_QT09																			7.13	6.89		7.00	34/34	13/13				DAT	DH21
594	DH72110052	Nguyễn Thảo	Nguyên	D21_QT09																			7.50	7.39		7.44	34/34	13/13				DAT	DH21
595	DH72110053	Triệu Ngọc Thảo	Nguyên	D21_QT09																			6.06	6.56		6.32	34/34	13/13				DAT	DH21
596	DH72110076	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D21_QT09																			7.88	7.22		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
597	DH72114676	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D21_QT09																			8.13	7.06		7.56	34/34	13/13				DAT	DH21
598	DH72114647	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D21_QT09																			6.50	5.94		6.21	34/34	13/13				DAT	DH21
599	DH72110087	Trần Ngọc Thái	Nhi	D21_QT09																			6.63	6.17		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21
600	DH72110088	Trần Thị Yến	Nhi	D21_QT09																			7.50	6.11		6.76	34/34	13/13			KoDKMH	DC	DH21
601	DH72110103	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D21_QT09																			7.38	6.22		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
602	DH72110108	Hồ Phương	Như	D21_QT09																			8.06	7.22		7.62	34/34	13/13				DAT	DH21
603	DH72110127	Nguyễn Thành	Phát	D21_QT09																			7.25	7.39		7.32	34/34	13/13				DAT	DH21
604	DH72110179	Võ Hữu	Quốc	D21_QT09																			7.06	5.67		6.32	34/34	13/13			KoDKMH	DC	DH21
605	DH72114411	Phạm Ngọc	Sang	D21_QT09																			7.31	6.72		7.00	34/34	13/13				DAT	DH21
606	DH72110251	Nguyễn Phương	Thảo	D21_QT09																			7.69	6.06		6.82	31/34	12/13				DAT	DH21
607	DH72114304	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D21_QT09																			6.75	6.28		6.50	31/34	12/13				DAT	DH21
608	DH72114471	Nguyễn Chí	Thạo	D21_QT09																			7.88	7.67		7.76	34/34	13/13				DAT	DH21
609	DH72110265	Nguyễn Hồ Hồng	Thắm	D21_QT09																			7.13	6.22		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
610	DH72110320	Tạ Vũ Anh	Thư	D21_QT09																			7.06	5.50		6.24	31/34	12/13				DAT	DH21
611	DH72110337	Nguyễn Thanh	Tiến	D21_QT09																			6.25	7.89		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21
612	DH72110338	Phạm Quốc	Tiến	D21_QT09																			8.13	7.06		7.56	34/34	13/13				DAT	DH21
613	DH72110346	Hoàng Tô Đức	Toàn	D21_QT09																			7.31	6.89		7.09	34/34	13/13				DAT	DH21
614	DH72114419	Lâm Thị Mỹ	Trang	D21_QT09																			7.00	5.94		6.44	34/34	13/13				DAT	DH21
615	DH72110387	Liêu Thanh Ngọc	Trinh	D21_QT09																			7.94	6.78		7.32	34/34	13/13				DAT	DH21
616	DH72110392	Đặng Hữu	Trọng	D21_QT09																			7.44	6.44		6.91	34/34	13/13				DAT	DH21
617	DH72110402	Nguyễn Thanh	Trúc	D21_QT09																			7.25	6.50		6.85	34/34	13/13				DAT	DH21
618	DH72110436	Bùi Thị Kim	Tuyền	D21_QT09																			7.06	6.17		6.59	34/34	13/13				DAT	DH21
619	DH72110445	Dư Kim	Tuyến	D21_QT09																			7.31	6.67		6.97	34/34	13/13				DAT	DH21
620	DH72110469	Nguyễn Thị ái	Vân	D21_QT09																			6.25	6.61		6.44	34/34	13/13				DAT	DH21
621	DH72110484	Lê Phan Hoàng	Vũ	D21_QT09																			7.50	6.56		7.00	31/34	12/13				DAT	DH21
622	DH72113872	Nguyễn Viết Minh	Vũ	D21_QT09																			8.06	8.44		8.26	34/34	13/13				DAT	DH21
623	DH72110485	Văn Đình Nguyên	Vũ	D21_QT09																			8.25	7.39		7.79	34/34	13/13				DAT	DH21
624	DH72110504	Trần Lê Yến	Vy	D21_QT09																			7.31	6.50		6.88	34/34	13/13				DAT	DH21
625	DH72113831	Trần Nguyên	An	D21_QT10																			8.25	7.94		8.09	34/34	13/13				DAT	DH21
626	DH72109626	Nguyễn Thành	Ân	D21_QT10																			8.38	7.94		8.15	34/34	13/13				DAT	DH21
627	DH72114137	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	D21_QT10																			6.69	6.56		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
628	DH72114535	Đỗ Vũ	Bằng	D21_QT10																			6.75	5.89		6.29	31/34	12/13				DAT	DH21
629	DH72114150	Danh Trần Phi	Dung	D21_QT10																			7.31	7.61		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022
BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
630	DH72114141	Dương Thị Mỹ	Dung	D21_QT10																			6.81	5.72		6.24	31/34	12/13				DAT	DH21
631	DH72101226	Nguyễn Ngọc	Đông	D21_QT10																			7.00	6.17		6.56	31/34	12/13				DAT	DH21
632	DH72113915	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	D21_QT10																			7.63	7.89		7.76	34/34	13/13				DAT	DH21
633	DH72114124	Nguyễn Trường	Giang	D21_QT10																			7.63	6.89		7.24	34/34	13/13		NoHP	KoDKMH	DC	DH21
634	DH72114455	Nguyễn Phan Ngọc	Hải	D21_QT10																			6.75	6.00		6.35	34/34	13/13				DAT	DH21
635	DH72114402	Đặng Thị Hồng	Hạnh	D21_QT10																			7.31	6.78		7.03	34/34	13/13				DAT	DH21
636	DH72114181	Trịnh Mỹ	Hạnh	D21_QT10																			6.50	6.11		6.29	34/34	13/13				DAT	DH21
637	DH72113964	Nguyễn Lê Xuân	Hảo	D21_QT10																			7.75	6.61		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
638	DH72114673	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	D21_QT10																			7.56	6.56		7.03	34/34	13/13				DAT	DH21
639	DH72114099	Trần Đặng Khánh	Hiền	D21_QT10																			7.69	7.28		7.47	34/34	13/13				DAT	DH21
640	DH72114205	Nguyễn Đình	Hiếu	D21_QT10																			7.13	6.44		6.76	34/34	13/13				DAT	DH21
641	DH72109817	Phan Văn	Hoàng	D21_QT10																			6.50	5.44		5.94	31/34	12/13				DAT	DH21
642	DH72113818	Đỗ Khánh	Huy	D21_QT10																			5.25	0.00		2.47	14/34	5/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
643	DH72114101	Nguyễn Thị Minh	Huyền	D21_QT10																			7.94	7.56		7.74	34/34	13/13				DAT	DH21
644	DH72114720	Nguyễn Duy	Khánh	D21_QT10																			8.25	8.72		8.50	34/34	13/13				DAT	DH21
645	DH72111154	Trần Đăng	Khôi	D21_QT10																			7.13	7.17		7.15	34/34	13/13				DAT	DH21
646	DH72114286	Trần Đức	Lân	D21_QT10																			6.81	6.50		6.65	34/34	13/13				DAT	DH21
647	DH72114023	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_QT10																			8.06	8.17		8.12	34/34	13/13				DAT	DH21
648	DH72114701	Trần Nhật	Minh	D21_QT10																			6.56	6.44		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
649	DH72114677	Võ Tuyền Ngọc	Minh	D21_QT10																			8.18	8.25		8.22	37/34	14/13				DAT	DH21
650	DH72114625	Nguyễn Lê Thảo	My	D21_QT10																			8.50	8.22		8.35	34/34	13/13				DAT	DH21
651	DH72114707	Phạm Gia	Mỹ	D21_QT10																			6.31	5.83		6.06	34/34	13/13				DAT	DH21
652	DH72114624	Đỗng Thị Như	My	D21_QT10																			6.88	6.39		6.62	34/34	13/13				DAT	DH21
653	DH72108942	Nguyễn Ngọc	Ngà	D21_QT10																			6.44	0.39		3.24	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
654	DH72110021	Nguyễn Kim	Ngân	D21_QT10																			7.19	6.94		7.06	34/34	13/13				DAT	DH21
655	DH72114196	Bùi Tường Phương	Nghi	D21_QT10																			7.25	0.00		3.41	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
656	DH72114275	Tô Trọng	Nghĩa	D21_QT10																			6.19	4.67		5.38	28/34	11/13				DAT	DH21
657	DH72114252	Tạ Thị Thanh	Ngọc	D21_QT10																			6.50	6.06		6.26	34/34	13/13				DAT	DH21
658	DH72114566	Võ Thảo	Nguyên	D21_QT10																			6.88	6.17		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21
659	DH72114640	Trần Thị ánh	Nguyệt	D21_QT10																			7.56	7.17		7.35	34/34	13/13				DAT	DH21
660	DH72113827	La Thị Xuân	Nhi	D21_QT10																			8.00	7.39		7.68	34/34	13/13				DAT	DH21
661	DH72114616	Võ Thị Hồng	Nhung	D21_QT10																			6.19	5.89		6.03	34/34	13/13				DAT	DH21
662	DH72114468	Nguyễn Thành	Phước	D21_QT10																			6.81	6.78		6.79	34/34	13/13				DAT	DH21
663	DH72114656	Phạm Dương Ngọc	Phượng	D21_QT10																			6.69	5.89		6.26	34/34	13/13				DAT	DH21
664	DH72109170	Tô Tuấn	Quang	D21_QT10																			6.25	6.39		6.32	34/34	13/13				DAT	DH21
665	DH72114130	Nguyễn Hoàng	Quân	D21_QT10																			6.50	7.28		6.91	34/34	13/13				DAT	DH21
666	DH72114562	Bùi Trí	Quyền	D21_QT10																			6.88	6.17		6.50	34/34	13/13				DAT	DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
667	DH72111645	Nguyễn Vân	Quỳnh	D21_QT10																			7.56	7.78		7.68	34/34	13/13				DAT	DH21
668	DH72114210	Võ Khánh	Sinh	D21_QT10																			6.56	6.17		6.35	31/34	12/13				DAT	DH21
669	DH72114218	Trần Văn	Tài	D21_QT10																			7.81	6.17		6.94	34/34	13/13				DAT	DH21
670	DH72114056	Trịnh Công	Thành	D21_QT10																			6.19	6.67		6.44	34/34	13/13				DAT	DH21
671	DH72114732	Huỳnh Thanh	Thảo	D21_QT10																			6.69	4.94		5.76	31/34	12/13				DAT	DH21
672	DH72114222	Trần Quốc	Thắng	D21_QT10																			6.00	5.61		5.79	34/34	13/13				DAT	DH21
673	DH72110299	Cao Nguyễn Thị	Thùy	D21_QT10																			6.50	5.78		6.12	31/34	12/13				DAT	DH21
674	DH72114635	Nguyễn Phương	Thúy	D21_QT10																			7.44	8.17		7.82	34/34	13/13				DAT	DH21
675	DH72114157	Trần Thị Kim	Thúy	D21_QT10																			7.44	7.61		7.53	34/34	13/13				DAT	DH21
676	DH72108998	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D21_QT10																			6.88	6.00		6.41	31/34	12/13				DAT	DH21
677	DH72114600	Phạm Nguyễn Anh	Thư	D21_QT10																			7.25	6.17		6.68	34/34	13/13				DAT	DH21
678	DH72113863	Nguyễn Thị Nhật	Thương	D21_QT10																			6.38	6.11		6.24	34/34	13/13				DAT	DH21
679	DH72114429	Trần Thị Thủy	Tiên	D21_QT10																			7.75	8.17		7.97	34/34	13/13				DAT	DH21
680	DH72114633	Võ Trương Hà	Tiên	D21_QT10																			7.81	7.89		7.85	34/34	13/13				DAT	DH21
681	DH72113943	Lê Minh	Tiến	D21_QT10																			7.50	7.33		7.41	34/34	13/13				DAT	DH21
682	DH72114017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_QT10																			7.75	7.72		7.74	34/34	13/13				DAT	DH21
683	DH72114207	Lê Thùy	Tranh	D21_QT10																			7.63	3.17		5.26	16/34	6/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
684	DH72114248	Nguyễn Trần Quyên	Trâm	D21_QT10																			8.19	7.61		7.88	34/34	13/13				DAT	DH21
685	DH72114092	Nguyễn Thị Quế	Trân	D21_QT10																			5.94	0.00		2.79	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
686	DH72114705	Lê Nguyễn Mỹ	Tuyền	D21_QT10																			7.31	2.33		4.68	16/34	6/13	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH21
687	DH72114066	Trần Phương Minh	Tuyền	D21_QT10																			7.63	0.00		3.59	16/34	6/13	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH21
688	DH72113652	Lê Thị Mỹ	Uyên	D21_QT10																			7.00	5.83		6.38	34/34	13/13				DAT	DH21
689	DH72114068	Nguyễn Vũ Như	Uyên	D21_QT10																			7.94	7.00		7.44	34/34	13/13				DAT	DH21
690	DH72114482	Hà Thái	Vinh	D21_QT10																			5.81	6.11		5.97	31/34	12/13				DAT	DH21
691	DH72114224	Then Kah	Wai	D21_QT10																			6.75	6.00		6.35	34/34	13/13				DAT	DH21
692	DH72114297	Đào Thị ánh	Xuân	D21_QT10																			8.19	8.06		8.12	34/34	13/13				DAT	DH21
693	DH72114007	Phan Phụng Bảo	Yến	D21_QT10																			7.81	6.50		7.12	34/34	13/13				DAT	DH21

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/08/2022 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

- Phòng Đào tạo nhận đơn và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 22/08/2022 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/08/2022. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C21): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

151 năm học 2015 - 2016 học kỳ 1

152 năm học 2015 - 2016 học kỳ 2

153 năm học 2015 - 2016 học kỳ hè

161 năm học 2016 - 2017 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2021

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																			TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
				151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	

Qui ước:

[1] NoHP:	Nợ học phí	[7] DC:	Đình chỉ học tập
[2] KoDKMH:	Không đăng ký môn học	[8] TH_QHAN:	Xóa tên vì hết thời gian học tập
[3] CCHV:	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	[9] NGHIHOC:	Nghỉ học vì lý do cá nhân
[4] BTH:	Buộc thôi học	[10] TDUNG:	Tạm dừng vì lý do cá nhân
[5] CB_BTH:	Cảnh báo buộc thôi học	[11] DC & CB_TGIAN:	Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[6] CB_TGIAN:	Cảnh báo hết thời gian học tập	[12] DAT	Đạt

Tp. HCM, ngày 22 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

(Đã ký)

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS, TS. Cao Hào Thi